

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN
CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2023

*

BẢN TIN THÔNG TIN SINH HOẠT CHI BỘ SỐ 8 NĂM 2023

THÔNG TIN TRONG NƯỚC

I. MỘT SỐ QUYẾT NGHỊ CỦA QUỐC HỘI KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 5 VỀ LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH, XÃ HỘI VÀ LĨNH VỰC DÂN TỘC

Nghị quyết số 100/2023/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24/6/2023 quyết nghị một số nội dung quan trọng về lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội và dân tộc, cụ thể là:

Đối với lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội: Triển khai hiệu quả các chủ trương của Đảng, luật, nghị quyết của Quốc hội và chiến lược, quy hoạch về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, góp phần thực hiện thành công đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm gắn với thị trường lao động theo hướng mở, liên thông, hiện đại, hội nhập và thích ứng. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đào tạo nghề, ưu tiên cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế.

Thực hiện hiệu quả công tác hướng nghiệp, các giải pháp phân luồng trong giáo dục phổ thông; triển khai việc vừa đào tạo nghề và dạy văn hóa tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm học sinh tốt nghiệp vừa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông vừa có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề. Đẩy nhanh lộ trình phổ cập nghề cho thanh niên, công nhân, nông dân và người lao động; có chính sách khuyến khích học sinh khá, giỏi vào đào tạo trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Đến năm 2025, nâng chất lượng đào tạo của một số trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, trong đó một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trên thế giới; phân đầu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 28% đến 30%; thu hút 40 - 45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào đào tạo trong hệ thống giáo dục nghề

ng nghiệp; đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động; tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề đạt 45%; tỷ lệ lao động có các kỹ năng số trình độ cơ bản đạt 80%.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và thực hiện tự chủ theo lộ trình, đẩy nhanh chuyển đổi số, áp dụng quản trị tiên tiến đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, gắn với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động; Tăng cường nguồn lực, ưu tiên ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp; chuyển nhanh cơ chế cấp phát ngân sách sang đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả, chất lượng sử dụng nguồn ngân sách nhà nước; Hoàn thiện chính sách, pháp luật để tạo nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, hạn chế tình trạng sa thải lao động, nhanh chóng đưa người lao động quay trở lại thị trường lao động, khắc phục những hạn chế của chính sách bảo hiểm thất nghiệp; Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo đảm mở rộng, khuyến khích người lao động, người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân; khắc phục hiệu quả tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội và các hành vi gian lận, trục lợi khác, hạn chế tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần; bảo đảm công tác quản lý, đầu tư Quỹ Bảo hiểm xã hội an toàn, bền vững và hiệu quả; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật...

Đối với lĩnh vực dân tộc: Quyết liệt triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, đặc biệt là Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới, Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu sửa đổi, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng quan trọng về chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2030. Đôn đốc triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các chương trình, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2021 - 2025; nghiên cứu, đề xuất thực hiện thí điểm việc phân cấp cho cấp huyện chủ động quyết định, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, danh mục dự án đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về công tác dân tộc; tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về quy hoạch, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện môi

trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; cải cách thủ tục hành chính để thu hút, huy động nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, tập trung nguồn lực đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, các dự án liên kết có tác động lan tỏa về phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Sớm hoàn thành việc rà soát, tổng hợp, sửa đổi, bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2021 - 2025; lập danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã, thôn chia tách, sáp nhập hoặc cần phải điều chỉnh tên gọi, gắn với lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đến năm 2025; trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp cụ thể đối với việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành.

Khẩn trương rà soát, ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, chuyển đổi nghề cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa có hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất. Chủ động sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chính sách và xây dựng các chính sách triển khai thực hiện chương trình trong giai đoạn 2026 - 2030...

II. ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG

Ngày 29/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2023/NĐ-CP, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/7/2023, bao gồm:

Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg, ngày 16/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An sang bảo hiểm xã hội tự nguyện); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng.

Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, ngày 24/4/2019 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, ngày 23/01/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP, ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng.

Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho những người đã hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng, Quyết định số 613/QĐ-TTg, ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hằng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 206-CP, ngày 30/5/1979 của Hội đồng Chính phủ về chính sách đối với công nhân mới giải phóng làm nghề nặng nhọc, có hại sức khỏe nay già yếu phải thôi việc.

Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 130-CP, ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã và Quyết định số 111-HĐBT, ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường.

Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg, ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg, ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương. Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính

sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng. Người đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng trước ngày 01/01/1995.

Từ ngày 01/7/2023, điều chỉnh như sau: Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định này đã được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP, ngày 07/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định này chưa được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP, ngày 07/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Từ ngày 01/7/2023, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định này, sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này, có mức hưởng thấp hơn 3.000.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau:

Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 2.700.000 đồng/người/tháng; tăng lên bằng 3.000.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 2.700.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.000.000 đồng/người/tháng.

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh theo quy định tại Điều này là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng ở những lần điều chỉnh tiếp theo.

III. CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG SẠT LỖ, BẢO ĐẢM AN TOÀN TÍNH MẠNG VÀ TÀI SẢN CỦA NHÂN DÂN TRƯỚC VÀ TRONG MÙA MƯA LŨ

Để chủ động phòng, chống sạt lở, bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản cho người dân và công trình cơ sở hạ tầng, nhất là trong mùa mưa bão đang đến, tại Công điện số 607/CD-TTg, ngày 01/7/2023, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai theo chức năng chủ động chỉ đạo, triển khai công tác phòng, chống thiên tai nói chung và sạt lở nói riêng, trong đó tập trung một số nhiệm vụ sau:

Chỉ đạo cơ quan chức năng và lực lượng phòng, chống thiên tai tại cơ sở; tổ chức kiểm tra, rà soát các khu dân cư, trường học, cơ sở y tế, trụ sở cơ quan, doanh trại ven sông, suối, kênh, rạch, ven biển, khu vực sườn dốc để kịp thời phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở khi mưa lớn; kiên quyết tổ chức di dời hoặc có phương án chủ động chống sạt lở, sơ tán khi có tình huống xấu nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản cho người dân và cơ sở hạ tầng.

Quản lý chặt chẽ, tăng cường kiểm tra, giám sát việc cấp phép, khai thác cát, sỏi trên sông, suối, kênh, rạch để hạn chế xảy ra sạt lở, đồng thời bảo đảm nguồn cung vật liệu xây dựng, nhất là cho các dự án trọng điểm quốc gia, các dự án hạ tầng giao thông; xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, tập kết cát, sỏi, vật liệu xây dựng trái phép theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm tra công tác bảo đảm an toàn tại các công trường đang xây dựng, nhất là các công trình xây dựng ở khu dân cư ven sông, suối, kênh rạch, sườn dốc; đình chỉ việc xây dựng công trình nếu không bảo đảm an toàn hoặc có nguy cơ gây sạt lở, ảnh hưởng đến dòng chảy, thoát lũ. Quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi trên sông theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm nguồn vật liệu xây dựng cho các dự án trọng điểm quốc gia, dự án hạ tầng giao thông theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong hoạt động cấp phép, khai thác cát sỏi.

Triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống sạt lở và thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiếp tục đẩy mạnh trồng cây chắn sóng, trồng rừng ngập mặn ven biển để phòng, chống sạt lở. Kiểm tra, rà soát, phát hiện, xử lý kịp thời các khu vực có nguy cơ sạt lở nhằm bảo đảm an toàn giao thông thông suốt trên các tuyến cao tốc, quốc lộ và các trục giao thông chính.

Rà soát công tác quản lý đô thị và hoạt động xây dựng để hạn chế xảy ra sự cố sạt lở, sớm khắc phục tình trạng ngập úng tại các đô thị, khu dân cư khi mưa lớn. Bảo đảm an toàn đối với các công trình hệ thống cung cấp, truyền tải điện, hầm lò, bãi thải khai thác than. Tăng cường tuần tra, phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác cát, sỏi trên sông, ven biển, trái phép, sai phép theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời khởi tố, truy tố đối với các trường hợp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng.

Theo dõi chặt chẽ tình hình sự cố, thiên tai, sạt lở, chủ động chỉ đạo, điều phối và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác ứng phó, tìm kiếm cứu nạn khi có tình huống, bảo đảm kịp thời, hiệu quả. Kiểm tra, đôn đốc các

địa phương triển khai công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả, hạn chế thiệt hại do thiên tai, sạt lở. Tăng cường phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai, sạt lở, hướng dẫn địa phương và người dân kỹ năng ứng phó khi sạt lở.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

Nghị định 34/2023/NĐ-CP, ngày 16/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP, ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền, nêu rõ:

Nghị định sửa đổi quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu biên giới. Cụ thể, bộ đội Biên phòng cửa khẩu tham mưu cho Bộ Quốc phòng thực hiện nội dung quản lý nhà nước đối với cửa khẩu biên giới thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng.

Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, hệ thống mốc quốc giới, vật đánh dấu, dấu hiệu đường biên giới, công trình biên giới trong khu vực cửa khẩu, công trình cửa khẩu; chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực cửa khẩu theo quy định pháp luật.

Kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý; thực hiện thủ tục biên phòng, cấp, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ thị thực, cấp chứng nhận tạm trú theo quy định pháp luật về xuất nhập cảnh; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý; kiểm tra, kiểm soát phương tiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, xử lý phương tiện vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu biên giới theo quy định pháp luật. Phối hợp kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới, đảm bảo an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu xây dựng quy chế phối hợp hoạt động trong thực hiện nhiệm vụ tại cửa khẩu.

Cơ quan Hải quan cửa khẩu chủ trì thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Phối hợp kiểm soát phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Hải quan.

Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu có trách nhiệm thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện vận tải theo cơ chế

một cửa quốc gia. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu có thể thiết lập cơ chế trao đổi, hội đàm với cơ quan hữu quan cửa khẩu phía đối diện để phối hợp giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu.

V. CHỨC VỤ, CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Ngày 10/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, quy định về chức vụ, chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách; bầu cử, tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Nghị định quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Đối với phường: Loại I là 23 người; loại II là 21 người; loại III là 19 người; Đối với xã, thị trấn: Loại I là 22 người; loại II là 20 người; loại III là 18 người.

Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng công chức ở cấp xã tăng thêm như sau: Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 1/3 (một phần ba) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 công chức. Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 công chức; Ngoài việc tăng thêm công chức theo quy mô dân số quy định tại điểm a nêu trên thì đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 công chức.

Cán bộ cấp xã được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo so với mức lương cơ sở như sau: Bí thư Đảng ủy: 0,30. Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 0,25. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 0,20. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 0,15. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã khác với chức vụ, chức danh hiện đảm nhiệm mà giảm được 01 người trong số lượng cán bộ, công chức cấp xã được

Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc bằng 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức vụ, chức danh kiêm nhiệm; phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức vụ, chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chức vụ, chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được so với quy định.

Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

Nghị định cũng quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là 14 người; loại II là 12 người; loại III là 10 người.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm như sau: Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 1/3 (một phần ba) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách. Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách.

Ngoài việc tăng thêm người hoạt động không chuyên trách theo quy mô dân số quy định nêu trên thì đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách.

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp. Ngân sách Trung ương thực hiện khoản quỹ phụ cấp bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau: Đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 21,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,0 lần mức lương cơ sở. Đối với đơn vị hành

chính cấp xã có số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm.

Thực hiện khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Ngân sách Trung ương khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố như sau: Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo được khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở. Trường hợp thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã thì được giữ mức khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở. Đối với các thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a nêu trên được khoán quỹ phụ cấp bằng 4,5 lần mức lương cơ sở. Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì thôn, tổ dân phố quy định tại điểm a và điểm b nêu trên được xác định theo đơn vị hành chính cấp huyện đó. Nghị định có hiệu lực từ 01/8/2023.

VI. VỀ VIỆC ĐẶT HÀNG CẤP MỘT SỐ ÁN PHẨM BÁO, TẠP CHÍ CHO VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Quyết định số 752/QĐ-TTg, ngày 23/6/2023 về việc đặt hàng cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023 - 2025, nêu rõ:

Thực hiện việc đặt hàng cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Các đơn vị báo, tạp chí cần đáp ứng đủ 04 điều kiện sau: có giấy phép hoạt động theo đúng quy định pháp luật về báo chí, có tôn chỉ mục đích phục vụ đúng đối tượng thụ hưởng; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu đặt hàng; có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm xuất bản chuyên trang, ấn phẩm chuyên đề về vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi,

vùng đặc biệt khó khăn; có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Thời gian thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đặt hàng một số ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; pháp luật về giá và các quy định pháp luật có liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, lập danh sách đối tượng theo quy định, số lượng được cấp định kỳ hằng năm gửi về Ủy ban Dân tộc, đảm bảo việc cấp các ấn phẩm báo, tạp chí kịp thời, đến đúng đối tượng...

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU GẠO CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 583/QĐ-TTg, ngày 26/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ với định hướng phát triển như sau:

Định hướng phát triển thị trường xuất khẩu là chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu theo hướng bền vững, khai thác hiệu quả nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường trọng điểm, truyền thống, đồng thời chú trọng phát triển các thị trường có nhu cầu nhập khẩu gạo chất lượng, giá trị cao và các sản phẩm chế biến từ thóc, gạo, các thị trường có quan hệ đối tác bền vững về thương mại và đầu tư, các thị trường FTA. Tận dụng lợi thế cạnh tranh để củng cố vị thế và khai thác hiệu quả các thị trường gần, thị trường truyền thống, trọng điểm có nhu cầu nhập khẩu gạo phù hợp với điều kiện sản xuất hiện tại; phát triển các thị trường mới, thị trường tiềm năng, tăng tỷ trọng các thị trường nhập khẩu gạo chất lượng, giá trị gia tăng cao; tăng xuất khẩu vào các thị trường FTA có danh ưu đãi cho mặt hàng gạo; từng bước giảm tỷ trọng các thị trường nhập khẩu gạo có chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả thấp, không ổn định; tận dụng tốt các ngạch thị trường phù hợp tại tất cả các khu vực thị trường.

Thị trường Đông Bắc Á, phấn đấu tăng thị phần gạo Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu gạo của Hàn Quốc từ 8,7% năm 2021 lên khoảng 20% năm

2025 và khoảng 23% năm 2030; thị phần vào thị trường Nhật Bản từ 0,1% năm 2021 lên khoảng 0,5% vào năm 2025 và khoảng 1% vào năm 2030. Thị trường Đông Nam Á giữ vững thị phần xuất khẩu gạo sang các nước trong khu vực, nhất là các thị trường chủ chốt như Philippines, Indonesia, Malaysia,... Tiếp tục củng cố, duy trì và phát triển thị phần tại các thị trường lớn, truyền thống nhất là thị trường Trung Quốc và các khu vực còn lại.

Thị trường châu Phi, Trung Đông: Tăng cường quan hệ hợp tác về phát triển thị trường gạo với các nước, chú trọng việc đàm phán, ký kết các Bản ghi nhớ, thỏa thuận về thương mại gạo với các nước có nhu cầu nhập khẩu gạo. Đẩy mạnh thâm nhập các thị trường châu Phi, đặc biệt ở các nước có nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu gạo lớn. Tăng cường tổ chức các hội thảo, hội nghị chia sẻ thông tin, tư vấn cho các doanh nghiệp tăng cường trao đổi, kết nối, hiểu rõ hơn về tiềm năng, cơ hội, thách thức và những điều cần lưu ý khi hợp tác thương mại với khu vực thị trường châu Phi. Tổ chức các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm và giải pháp bền vững nhằm thúc đẩy tăng trưởng thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia khu vực châu Phi. Khai thác các kênh xuất khẩu gạo trắng chất lượng cao vào thị trường Ả rập Xê-út, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất.

Thị trường châu Âu: Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do với khu vực như EVFTA, UKVFTA, EAEU để tăng khối lượng gạo xuất khẩu vào khu vực, tương xứng với tiềm năng của thị trường. Phấn đấu tăng thị phần gạo Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu gạo của Liên minh kinh tế Á - Âu: Thị phần tại thị trường Liên bang Nga tăng từ 1,6% năm 2021 lên khoảng 7% vào năm 2025, khoảng 10% năm 2030. Thị phần tại thị trường Bêlarút ổn định ở mức khoảng 25%. Phấn đấu tăng thị phần tại một số nước châu Âu như: Pháp là từ 2,3% năm 2021 lên khoảng 2% vào năm 2025 và khoảng 3,5%; Đức từ 1,8% vào năm 2021 lên khoảng 2% năm 2025 và khoảng 2,5% vào năm 2030; Cộng hòa Séc từ 7,7% năm 2021 lên khoảng 8,5% năm 2025 và khoảng 10% vào năm 2030.

Thị trường châu Mỹ, châu Đại Dương: Tập trung phát triển thị trường gạo Việt Nam tại các nước thành viên CPTPP (Canada, Chile, Mexico và Peru). Tiếp tục hỗ trợ Cuba ổn định thị trường gạo và phát triển sản xuất gạo tại chỗ trên cơ sở quan hệ truyền thống đặc biệt, thúc đẩy các hình thức đầu tư liên doanh phát triển sản xuất lúa gạo trên cơ sở khả thi, cùng có lợi. Phấn đấu tăng thị phần tại thị trường Hoa Kỳ từ 1,5% năm 2021 lên khoảng 3% vào năm 2025, khoảng 5% vào năm 2030. Phấn đấu tăng thị phần tại thị trường Mexico lên 0,2% vào năm 2025, khoảng 0,5% vào năm 2030; tại thị trường Haiti từ 6,5% năm 2021 lên khoảng 8% vào năm 2025,

khoảng 10% vào năm 2030. Phân đầu tăng thị phần tại thị trường Úc từ 14% năm 2021 lên khoảng 16% vào năm 2025 và khoảng 19% vào năm 2030.

VIII. VỀ THÀNH LẬP, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN

Nghị định 37/2023/NĐ-CP, ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân Việt Nam.

Mục tiêu hoạt động của Quỹ là hỗ trợ hội viên Hội Nông dân Việt Nam xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân; tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân. Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định này trên phạm vi toàn quốc. Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh, huyện thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định này trên phạm vi địa bàn tỉnh/huyện nơi thành lập.

Quỹ Hỗ trợ nông dân tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan; vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân Việt Nam để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh; nhận ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp dưới thực hiện nhiệm vụ cho vay theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

Quỹ có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Quỹ Hỗ trợ nông dân được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ; được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định này; được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và các quy định của pháp luật có liên quan; được từ chối yêu cầu cung cấp

thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Điều kiện để được vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân là khách hàng vay vốn phải thuộc đối tượng vay vốn theo quy định tại khoản 1 Điều này, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; khách hàng vay vốn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đang cư trú ở địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay vốn tại thời điểm đề xuất vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ nông dân; mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp; phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã...

Thời hạn cho vay đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân Việt Nam tại Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 05 năm (không bao gồm thời gian gia hạn nợ). Thời gian cho vay cụ thể đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân do Quỹ Hỗ trợ nông dân xem xét, quyết định. Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời gian cho vay tại Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

IX. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SÂM VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (được phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg, ngày 01/6/2023) nêu rõ quan điểm phát triển Sâm Việt Nam thành thương hiệu quốc gia, đưa Sâm Việt Nam thành sản phẩm chủ lực trong lĩnh vực y - dược; chăm sóc sức khỏe; đa dạng hóa sản phẩm, từng bước đưa Sâm Việt Nam thành ngành hàng có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn với bảo hộ thương hiệu Sâm Việt Nam đã đề ra mục tiêu cụ thể giai đoạn đến năm 2030 là bảo tồn nguồn gen Sâm Việt Nam ngoài tự nhiên gắn với bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trong hệ sinh thái rừng. Chương trình đề ra các nhóm giải pháp sau:

Khẩn trương hoàn thiện, đưa vào vận hành các cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống, kiểm định chất lượng Sâm Việt Nam đã được đầu tư; tập trung nghiên cứu, đầu tư khoa học công nghệ cho phát triển sản xuất giống Sâm Việt Nam đáp ứng

nhu cầu sản xuất ở quy mô hàng hóa. Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình nhân giống Sâm Việt Nam.

Thực hiện nuôi trồng và thu hái Sâm Việt Nam theo nguyên tắc GACP - WHO và thực hành sản xuất, chế biến Sâm Việt Nam theo tiêu chuẩn GMP - WHO nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn, có khả năng cạnh tranh. Tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình di thực cây Sâm Ngọc Linh ở các vùng có điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng tương đồng, đảm bảo theo đúng quy định về đất đai, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và pháp luật khác có liên quan để có cơ sở khuyến cáo, nhân rộng.

Các địa phương tham gia Chương trình chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, điều tra, đánh giá, xác định cụ thể về diện tích các khu vực có điều kiện phù hợp để gây trồng, phát triển Sâm Việt Nam, thu hút các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật. Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với người dân đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, khai thác, chế biến sản phẩm gắn với sản xuất theo chuỗi, tạo giá trị gia tăng của sản phẩm, phát triển kinh tế cho người dân. Phát triển các hình thức hợp tác trong trồng, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm Sâm Việt Nam.

Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm Sâm Việt Nam, gắn với chỉ dẫn địa lý; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, tuyên truyền, giới thiệu để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm Sâm Việt Nam; tăng cường tìm hiểu thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; tổ chức hội chợ, hội nghị, hội thảo giới thiệu về các sản phẩm Sâm Việt Nam.

Tổ chức triển khai, lồng ghép thực hiện với các cơ chế, chính sách đã ban hành, bao gồm: Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình khoa học công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia...

Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Sâm Việt Nam trở thành ngành hàng mang thương hiệu quốc gia và có uy tín trên thị trường quốc tế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển các sản phẩm Sâm Việt Nam từ công đoạn sản xuất giống, gây trồng, thu hái, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với phát triển du lịch tại các vùng trồng.

Tiếp tục mở rộng hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế, nhất là các quốc gia có ngành công nghiệp nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sâm phát triển; tăng

cường hợp tác chuyên gia khoa học công nghệ về nghiên cứu, phát triển giống, quy trình canh tác phát triển vùng nguyên liệu, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm Sâm Việt Nam...

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ TÌNH HÌNH THẾ GIỚI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

I. KẾT QUẢ CHUYẾN THĂM TRUNG QUỐC VÀ THAM DỰ HỘI NGHỊ DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH

Nhận lời mời của Thủ tướng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lý Cường và Nhà sáng lập kiêm Chủ tịch điều hành Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) Klaus Schwab, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính thăm chính thức nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và dự Hội nghị thường niên các nhà tiên phong lần thứ 14 của WEF từ ngày 25 - 28/6/2023.

Đây là chuyến thăm Trung Quốc đầu tiên của đồng chí Phạm Minh Chính trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, diễn ra vào thời điểm Việt Nam và Trung Quốc kỷ niệm 15 năm thiết lập khuôn khổ quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện (tháng 6/2008 - 6/2023), trong bối cảnh quan hệ hai Đảng, hai nước duy trì cục diện phát triển và đạt nhiều thành quả tích cực mới.

Chuyến thăm đã thành công tốt đẹp và đạt nhiều kết quả quan trọng, thể hiện:

Một là, trong các cuộc gặp, các đồng chí lãnh đạo cấp cao Trung Quốc đều khẳng định hết sức coi trọng quan hệ hữu nghị hai Đảng, hai nước, thể hiện thành ý, thiện chí trong việc làm sâu sắc hơn nữa các mặt hợp tác giữa hai bên, nhất là trên kênh Đảng, trong các lĩnh vực trọng yếu như quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình khẳng định, việc phát triển quan hệ với Việt Nam là lựa chọn chiến lược của Trung Quốc, Trung Quốc coi trọng phát triển quan hệ lâu dài với Việt Nam.

Hai là, hai bên nhất trí nâng cao chất lượng hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, đẩy mạnh kết nối giao thông, duy trì giao thương thông suốt, bảo đảm chuỗi sản xuất và chuỗi cung ứng. Phía Trung Quốc khẳng định sẽ tăng cường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam, tăng thêm hạn ngạch cho hàng hóa Việt Nam quá cảnh bằng đường sắt Trung Quốc đi nước thứ ba, mở rộng đầu tư chất lượng cao của Trung Quốc vào những lĩnh vực phù hợp với nhu cầu của Việt Nam.

Ba là, hai bên đạt nhiều nhất trí quan trọng về duy trì giao lưu, tiếp xúc

thường xuyên qua kênh Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, giữa các bộ, ngành, địa phương, nhân dân hai nước. Nhất trí khôi phục các hoạt động giao lưu nhân dân, qua đó tuyên truyền cho các tầng lớp nhân dân hai nước, đặc biệt là thế hệ trẻ về truyền thống hữu nghị của hai Đảng, hai nước.

Cũng trong thời gian này, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dẫn đầu Đoàn Việt Nam đã tham dự Hội nghị thường niên các nhà tiên phong lần thứ 14 của WEF đạt nhiều kết quả quan trọng, thể hiện:

Thứ nhất, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chia sẻ nhiều quan điểm, cách tiếp cận, những định hướng, giải pháp hữu hiệu, thiết thực, kịp thời, xuất phát từ thực tiễn và kinh nghiệm của Việt Nam, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Thông điệp của Thủ tướng về ba yếu tố nền tảng cho phát triển kinh tế là bảo đảm hòa bình, ổn định, đoàn kết, hợp tác quốc tế, cách tiếp cận toàn cầu, toàn dân, toàn diện, đặc biệt là khơi thông nguồn lực, thúc đẩy các động lực tăng trưởng và phát huy tiềm năng của doanh nghiệp nhỏ và vừa được đánh giá cao và trở thành định hướng thống nhất cao tại Hội nghị WEF.

Thứ hai, sự tham gia của Thủ tướng Phạm Minh Chính tiếp tục góp phần thúc đẩy thực chất quan hệ giữa Việt Nam và WEF. Việc hai bên ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2023 - 2026, tập trung vào những lĩnh vực khả thi như: chuyển đổi xanh, tài chính xanh, chuyển đổi số... đã tạo nền tảng để tăng cường quan hệ hai bên trong giai đoạn mới.

Thứ ba, sự tham gia của Việt Nam tại hội nghị với nhiều cuộc gặp gỡ, trao đổi cởi mở, thân tình của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính với lãnh đạo các tập đoàn hàng đầu đã góp phần tiếp tục truyền tải đến cộng đồng doanh nghiệp toàn cầu về những thành tựu, tiềm năng, thế mạnh, những mục tiêu và định hướng phát triển của Việt Nam. Đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp nước ngoài hiểu sâu sắc hơn về chủ trương, chính sách, môi trường đầu tư, qua đó tăng cường niềm tin và đẩy mạnh đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Chuyến thăm chính thức Trung Quốc và dự Hội nghị thường niên các nhà tiên phong lần thứ 14 của WEF của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã thành công tốt đẹp. Chuyến thăm đã tạo được dấu ấn tốt với chính giới, cộng đồng doanh nghiệp quốc tế về vai trò, vị thế của Việt Nam, tiềm năng và triển vọng kinh tế Việt Nam. Những đóng góp thiết thực của Việt Nam tại Hội nghị WEF không chỉ góp phần quan trọng vào thành công của Hội nghị, thúc đẩy quan hệ Việt Nam - WEF, mà còn tăng cường hơn nữa việc thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Trong thời gian tới, công tác thông tin, tuyên truyền cần tập trung một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường thông tin, tuyên truyền về kết quả, ý nghĩa chuyến thăm Trung Quốc của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đối với việc củng cố và tăng cường mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc; khẳng định đường lối đối ngoại của Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Thứ hai, qua các đánh giá của cộng đồng chính giới, báo chí quốc tế tiếp tục thông tin, tuyên truyền khẳng định vị thế quốc tế, triển vọng kinh tế của Việt Nam; tăng cường thông tin, quảng bá về môi trường đầu tư - kinh doanh của Việt Nam.

Thứ ba, chủ động đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, cơ hội nhằm gây phương hại tới quan hệ Việt Nam - Trung Quốc; kiểm soát có hiệu quả trước các thông tin tiêu cực, gây ảnh hưởng xấu tới hình ảnh của Việt Nam.

II. HIỆP ĐỊNH VỀ BIỂN CẢ - VĂN KIẾN THỨ 3 THỰC THI CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN (UNCLOS 1982)

Vừa qua, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Hiệp định về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ngoài vùng tài phán quốc gia (Hiệp định về Biển cả). Văn kiện này góp phần quan trọng trong việc củng cố hệ thống các văn kiện dựa trên Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS 1982) trong quản trị các vùng biển và đại dương, đảm bảo sự phát triển bền vững cho tất cả các quốc gia.

Đây là văn kiện thứ 3 thực thi UNCLOS, sau văn kiện về đàn cá di cư và văn kiện nhằm thực thi Phần XI của Công ước. Hiệp định gồm 17 Chương, 76 Điều, 2 Phụ lục với nội dung chính xoay quanh một số vấn đề gồm: (i) Chia sẻ lợi ích nguồn gien biển; (ii) Thiết lập vùng bảo tồn biển; (iii) Đánh giá tác động môi trường; (iv) Xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ; (v) Vấn đề chung như cơ chế ra quyết định của Hội nghị các quốc gia thành viên, thành lập, vận hành các cơ quan, thể chế để thực hiện văn kiện, giải quyết tranh chấp, cơ chế tài chính...

Hiệp định về đa dạng sinh học ở vùng biển nằm ngoài quyền tài phán quốc gia (Hiệp định về Biển cả), ghi nhận nguyên tắc nền tảng về việc nguồn gien biển là di sản chung của nhân loại, là cơ sở để mọi lợi ích thu được từ nguồn gien biển cần được chia sẻ công bằng với tất cả các quốc gia. Đáng chú ý, lần đầu tiên “thông tin chuỗi số hóa về nguồn gien”, được coi là một “tài sản số” gắn liền với nguồn gien biển và lợi ích liên quan có thể được chia sẻ cho toàn thể nhân loại theo một cơ chế được Hiệp định xác định. Trong bối cảnh khả năng tiếp cận, khai thác

tài nguyên gien biển giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển còn cách biệt, văn kiện này đánh dấu sự thỏa hiệp giữa các nhóm nước có lợi ích khác nhau trong việc thúc đẩy các hoạt động bảo tồn và khai thác bền vững nguồn gien biển ngoài vùng tài phán quốc gia, xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ, đồng thời bảo đảm công bằng trong chia sẻ lợi ích từ việc khai thác và sử dụng bền vững nguồn gien biển phong phú. Các nước thành viên UNCLOS đánh giá việc thông qua văn bản của Hiệp định là một “chiến thắng của chủ nghĩa đa phương và của những nỗ lực toàn cầu nhằm chống lại các xu hướng hủy diệt đại dương”.

Phát biểu tại Hội nghị, Đại sứ Đặng Hoàng Giang, Trưởng Phái đoàn thường trực Việt Nam tại Liên hợp quốc, Trưởng đoàn đàm phán, khẳng định Hiệp định thể hiện sự cam kết và quyết tâm mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế trong việc đạt được một văn kiện nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng biển ngoài phạm vi tài phán quốc gia. Hiệp định này sẽ củng cố hơn nữa Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS), là khuôn khổ pháp lý toàn diện cho mọi hoạt động trên biển; tăng cường chủ nghĩa đa phương. Đồng thời, là một dấu mốc mới trong sự phát triển của luật pháp quốc tế, góp phần thực hiện Thập kỷ Liên hợp quốc về khoa học biển phục vụ phát triển bền vững, thực hiện Mục tiêu phát triển thứ 14 về bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn tài nguyên biển phục vụ phát triển bền vững.

III. HOA KỲ TÁI GIA NHẬP TỔ CHỨC GIÁO DỤC, KHOA HỌC VÀ VĂN HÓA LIÊN HỢP QUỐC (UNESCO)

Tại phiên họp toàn thể bất thường của UNESCO ngày 30/6/2023, các nước thành viên đã bỏ phiếu ủng hộ sự trở lại của Hoa Kỳ, với 132 phiếu thuận, 10 phiếu chống và 15 phiếu trắng. Với kết quả này, Hoa Kỳ đã chính thức tái gia nhập Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), đảo ngược quyết định rút khỏi tổ chức này dưới thời chính quyền cựu Tổng thống Donald Trump.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) được thành lập vào tháng 11/1945 và chính thức đi vào hoạt động năm 1946. Hiện tổ chức này có 193 thành viên và 12 quan sát viên.

Là một trong những thành viên sáng lập UNESCO, Hoa Kỳ từng là quốc gia đóng góp chính cho ngân sách của UNESCO cho đến năm 2011, thời điểm UNESCO chấp thuận Palestine là một nhà nước thành viên. Sau sự kiện này, Hoa Kỳ ngừng đóng góp tài chính cho UNESCO. Bởi theo Đạo luật Ủy quyền quan hệ đối ngoại được thông qua năm 1990, Hoa Kỳ sẽ cắt hỗ trợ cho bất kỳ tổ chức nào

của Liên hợp quốc coi Tổ chức Giải phóng Palestine có vị thế như các quốc gia thành viên khác. Năm 2017, Chính quyền Tổng thống Donald Trump tuyên bố rút khỏi UNESCO do Israel và chính quyền của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã nhiều lần bày tỏ sự không hài lòng về các quyết định của UNESCO, trong đó có việc xếp thành cổ Hebron ở khu bờ Tây bị chiếm đóng vào danh sách di sản thế giới thuộc Palestine (tháng 10/2017). Quyết định rút khỏi UNESCO chính thức có hiệu lực năm 2018. UNESCO sau đó đã rơi vào tình trạng khó khăn về tài chính, bắt buộc cắt giảm nhiều hoạt động, phải dựa vào các khoản đóng góp tự nguyện của các quốc gia khác.

Việc Hoa Kỳ quay trở lại UNESCO, với cam kết trả dần khoản nợ hơn 500 triệu USD cũng như những gói tài trợ mới không chỉ giúp cho tổ chức này có thêm ngân sách mà còn tăng cường vai trò, mở rộng các chương trình hoạt động của mình. Tổng giám đốc UNESCO Audrey Azoulay cho rằng, việc Hoa Kỳ quay trở lại UNESCO sẽ giúp tổ chức này ở vị thế mạnh mẽ hơn để thực hiện sứ mệnh của mình. Tháng 3/2023, khi dự thảo ngân sách cho năm tài khoá 2024 được công bố, chính quyền Tổng thống Joe Biden đã đề nghị khoản tiền 150 triệu USD trong ngân sách năm 2024 để thanh toán cho các khoản nợ và phí cho UNESCO từ năm 2011 - 2017 và sẽ tiếp tục đề nghị khoản tiền tương tự cho các năm tiếp theo cho đến khi trả hết khoản nợ 619 triệu USD. Đồng thời, Hoa Kỳ dự kiến sẽ chi 100 triệu USD/năm nếu muốn duy trì tư cách thành viên được bỏ phiếu của UNESCO.

Đối với Hoa Kỳ, cùng với việc trở lại một số tổ chức mà nước này rút khỏi dưới thời Tổng thống Donald Trump, trong đó nổi bật là Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, việc gia nhập trở lại UNESCO góp phần thúc đẩy các chiến lược toàn cầu của chính quyền Tổng thống Joe Biden, củng cố vị thế lãnh đạo và quảng bá cho hình ảnh của Hoa Kỳ. Cụ thể, Hoa Kỳ muốn giải quyết các mối quan ngại và đối phó với ảnh hưởng không chỉ của Trung Quốc mà còn các nước lớn khác trong UNESCO nói riêng và các tổ chức quốc tế khác nói chung. Theo đánh giá của giới chức Hoa Kỳ, những hoạt động đang diễn ra tại UNESCO thực sự quan trọng, như hoạt động nghiên cứu quy tắc, chuẩn mực cho trí tuệ nhân tạo, tác động đến sự phân tách thế giới đang gia tăng, góp phần định hình trật tự thế giới thông qua giáo dục, đào tạo trong kỹ nguyên kỹ thuật số. Hoa Kỳ sẽ có thêm nền tảng để củng cố và thúc đẩy cho lợi ích của nước này trong tương lai.

IV. MỘT SỐ DIỄN BIẾN CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH BẠO LOẠN TẠI PHÁP

Bộ trưởng Nội vụ Pháp Gerald Darmanin ngày 05/7/2023 tuyên bố tình

trạng bạo loạn đã chấm dứt tại Pháp sau hơn một tuần bùng phát, song các lực lượng chức năng vẫn đang duy trì mức độ cảnh giác cao.

Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cuộc bạo loạn ở Pháp là việc một thiếu niên 17 tuổi người Pháp gốc Algeria được xác định danh tính là Nahel M. đã bị cảnh sát bắn chết do không tuân thủ hiệu lệnh khi đang tham gia giao thông và dừng xe ở Nanterre vào ngày 27/6/2023. Sự việc này đã đẩy lên các cuộc biểu tình kéo dài và biến thành bạo loạn khi những người biểu tình đốt xe, lập rào chắn trên đường phố và bắn pháo hoa vào lực lượng cảnh sát trong khi cảnh sát đáp trả người biểu tình bằng đạn hơi cay. Chính phủ Pháp đã triển khai 45.000 cảnh sát cùng xe thiết giáp trên toàn quốc trong một nỗ lực dập tắt bạo loạn và tuyên bố huỷ bỏ các sự kiện quy mô lớn trên toàn quốc. Tình hình trên cũng khiến Tổng thống Pháp Emmanuel Macron rơi vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng nhất về khả năng lãnh đạo kể từ các cuộc biểu tình Áo khoác vàng vào năm 2018.

Theo Bộ trưởng Nội vụ Gérald Darmanin, tính đến ngày 03/7/2023, hơn 3.300 người đã bị bắt giữ. Phần lớn trong số đó là trẻ vị thành niên, với độ tuổi trung bình là 17. Thiệt hại kinh tế và mức độ nghiêm trọng trong một tuần diễn ra bạo loạn được đánh giá là vượt qua kỷ lục 3 tuần bạo loạn năm 2005. Theo thống kê của Bộ Nội Vụ Pháp ngày 02/7, hơn 5.000 chiếc xe và 10.000 thùng rác bị đốt cháy, hơn 1.000 tòa nhà bị phóng hỏa, đập phá hoặc cướp phá, 250 vụ tấn công vào đồn cảnh sát hoặc hiến binh, với hơn 700 cảnh sát bị thương. Nghiệp đoàn Giới chủ (MEDEF) - liên đoàn lao động lớn nhất nước Pháp, cho biết các cuộc biểu tình bạo loạn bùng phát từ tuần trước ở nước này đến nay đã gây thiệt hại ước tính lên tới hơn 01 tỷ USD. Đáng chú ý là cuộc bạo loạn này đã làm tổn hại tới hình ảnh của nước Pháp.

Về nguyên nhân sâu xa của vụ việc, Tổng thống Pháp Macron cho rằng “các nền tảng và mạng đang đóng một vai trò quan trọng”. Các mạng xã hội như “Snapchat, TikTok và một số ứng dụng khác - đóng vai trò là nơi tổ chức các cuộc tụ tập bạo lực, và cũng có một hình thức bắt chước bạo lực khiến một số thanh niên lạc lối khỏi thực tế”. Ông Macron cho rằng, giới trẻ đang xuống đường để diễn lại “các trò chơi điện tử bạo lực”, đồng thời kêu gọi các bậc phụ huynh giữ con em ở nhà. Các chuyên gia, nhà nghiên cứu cho rằng, tình trạng biểu tình liên tiếp đã bộc lộ những bất ổn của xã hội Pháp. Thứ nhất là kinh tế Pháp hiện nay có khoản nợ công là 112% GDP, con số này là một trong những mức cao nhất của các nước EU, cao hơn cả Anh và Đức. Trong đó, gánh nặng lương hưu hiện nay đang chiếm 14% sản lượng kinh tế và do đó quỹ lương hưu liên tục thâm thụt trong nhiều năm liên

tiếp. Điều này đã buộc chính phủ phải tăng độ tuổi nghỉ hưu lên 64 bất chấp hàng trăm cuộc tuần hành, biểu tình phản đối vào đầu năm 2023. *Thứ hai* là các tranh cãi xung quanh chính sách nhập cư và tình trạng di cư không kiểm soát đang diễn ra trên toàn cầu. Theo giới quan sát, câu chuyện của Nahel M. phản ánh sự phẫn nộ của những người trẻ thuộc cộng đồng nhập cư có thu nhập thấp, sinh sống trong những khu nhà giống như khu ổ chuột ở vùng ngoại ô Pháp. Tình trạng nghèo đói, thất nghiệp, hạn chế trong tiếp cận các cơ hội giáo dục và sự xa lánh xã hội là những vấn đề mà người nhập cư không chỉ ở Pháp mà tại nhiều quốc gia ở châu Âu đang phải đối diện. Vụ việc cũng cho thấy khoảng cách giàu, nghèo ngày càng rộng ở Pháp. Cơ quan giám sát nhân quyền của Liên hợp quốc cho rằng, vụ việc này là lời cảnh tỉnh, đòi hỏi Chính phủ Pháp giải quyết nghiêm túc các vấn đề sâu xa về phân biệt chủng tộc, đặc biệt là phân biệt chủng tộc trong thực thi pháp luật.

V. MỘT SỐ TÌNH HÌNH THẾ GIỚI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

- **Diễn biến tình hình Ukraine:** Hoa Kỳ quyết định cung cấp hàng nghìn quả bom chùm cho Ukraine trong gói viện trợ quân sự mới trị giá 800 triệu USD. Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ phụ trách chính sách Colin Kahl cho biết quyết định gửi bom chùm cho Ukraine nhằm đảm bảo rằng, Ukraine có đủ vũ khí để tiếp tục chiến đấu trong bối cảnh cuộc phản công hiện nay không đạt được tiến độ như mong đợi. Quyết định này được đưa ra bất chấp những lo ngại rằng loại vũ khí gây tranh cãi này có thể gây thương vong cho dân thường và đã vấp phải sự phản đối của chính nội bộ chính quyền Hoa Kỳ, cùng nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế. Tổng Thư ký Liên hợp quốc António Guterres đã lên tiếng phản đối quyết định của Hoa Kỳ. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Nga Maria Zakharova nhấn mạnh, quyết định của chính quyền Tổng thống Joe Biden tiếp tục cho thấy đường lối chống Nga của Hoa Kỳ nhằm kéo dài cuộc xung đột ở Ukraine. Tình hình xung đột tại Ukraine tiếp tục diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu dừng lại, kéo theo mối quan hệ giữa Hoa Kỳ/phương Tây và Nga vẫn ở trạng thái đối đầu căng thẳng.

- **Nhật báo Tài chính Financial Times (FT) của Anh ngày 09/7, nhận định thời khắc của nền kinh tế của Việt Nam đã đến.** Theo đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tăng vọt lên mức cao nhất trong một thập kỷ vào năm 2022. Những tập đoàn tên tuổi lớn trong đó có Dell, Google, Microsoft và Apple đều đã chuyển một phần chuỗi cung ứng đến Việt Nam. Với lợi thế vị trí gần Trung Quốc, chi phí thấp cùng với lực lượng lao động trẻ và được đào tạo tốt, Việt Nam là nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở châu Á vào năm ngoái (tăng trưởng 8%) và là một trong số ít nền kinh tế trên toàn cầu đạt được mức tăng

trường hai năm liên tiếp kể từ đại dịch Covid-19. Trong ngắn hạn, để tiếp tục thu hút sự chú ý của nhà đầu tư, Việt Nam cần củng cố môi trường kinh doanh. Về lâu dài, để đáp ứng mục tiêu đầy tham vọng trở thành nền kinh tế có thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam phải tận dụng lợi ích tăng trưởng sản xuất để đa dạng hóa nền kinh tế. Trong thập kỷ tới, Việt Nam phải nâng cao năng lực sản xuất và đặc biệt là cơ sở hạ tầng cần được nâng cấp khi mạng lưới điện quốc gia đang phải chịu sức ép của nhu cầu công nghiệp ngày càng tăng. Ngân hàng thế giới (WB) cũng khuyến nghị Việt Nam hỗ trợ nhiều hơn cho việc áp dụng công nghệ, tăng cường kỹ năng quản lý và tiếp tục giảm bớt các hạn chế đối với FDI trong lĩnh vực dịch vụ để hướng tới sự thịnh vượng lâu dài.

- **Nền kinh tế Trung Quốc đứng trước nguy cơ giảm phát.** Báo cáo của Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc (NBS) cho thấy CPI trong tháng 6 vừa qua đã giảm so với mức 0,2% ghi nhận trong tháng trước đó, đồng thời thấp hơn nhiều so với mức dự báo của giới chuyên gia do nhu cầu trong nước chậm lại. Theo NBS, giá thực phẩm tăng 2,3%, trong khi giá của các mặt hàng phi thực phẩm giảm 0,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong tháng 6/2023, chỉ số giá sản xuất (PPI) của Trung Quốc cũng giảm 5,4%, mạnh hơn mức giảm 4,6% của tháng trước đó. NBS cho rằng nhu cầu toàn cầu kém và chi phí nguyên vật liệu giảm mạnh đã gây áp lực giảm giá xuất xưởng. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã chậm lại đáng kể kể từ tháng 4/2023, sau khi nước này dỡ bỏ hoàn toàn các quy tắc nghiêm ngặt về kiểm soát dịch Covid-19. Đồng Nhân dân tệ ở mức thấp nhất trong 7 tháng so với đồng USD do xuất khẩu giảm. Điều này làm dấy lên những nguy cơ giảm phát, ảnh hưởng xấu tới triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế. Các chuyên gia cho rằng chính quyền Trung Quốc cần có những hành động để hỗ trợ nền kinh tế.

VĂN BẢN MỚI

1. Nghị định số 36/2023/NĐ-CP, ngày 21/6/2023 về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước

Nghị định nêu rõ: Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2023 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đến hết ngày 20/11/2023, cụ thể như sau: Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2023 chậm nhất là ngày 20/11/2023. Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 7 năm

2023 chậm nhất là ngày 20/11/2023. Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 8 năm 2023 chậm nhất là ngày 20/11/2023. Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 9 năm 2023 chậm nhất là ngày 20/11/2023.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung. Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật hiện hành thì chưa phải nộp số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt đã kê khai trong thời gian được gia hạn. Trường hợp doanh nghiệp có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế tiêu thụ đặc biệt riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất hoặc lắp ráp ô tô thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trình tự, thủ tục gia hạn, người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt (bằng phương thức điện tử hoặc gửi bản giấy trực tiếp đến cơ quan thuế hoặc gửi qua đường bưu chính) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt thì thời hạn nộp Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt chậm nhất là ngày 20/11/2023, cơ quan thuế vẫn thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định. Người nộp thuế tự xác định và chịu trách nhiệm về việc đề nghị gia hạn đảm bảo đúng đối tượng được gia hạn theo Nghị định này. Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc dừng gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước. Trường hợp sau khi hết thời gian gia hạn, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra người

nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại Nghị định này thì người nộp thuế phải nộp số tiền thuế còn thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp do cơ quan thuế xác định lại vào ngân sách nhà nước.

Trong thời gian được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, cơ quan thuế không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được gia hạn. Trường hợp, cơ quan thuế đã tính tiền chậm nộp đối với các hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc trường hợp được gia hạn theo quy định tại Nghị định này thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh lại không tính tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành (21/6/2023) đến hết ngày 31/12/2023. Sau thời gian gia hạn theo Nghị định này, việc nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV thông qua, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2023. Nghị quyết này đã nhận được sự đồng thuận rất cao của đại biểu Quốc hội, kết quả biểu quyết thông qua đạt tỉ lệ 97,3%.

Nghị quyết quy định 44 cơ chế, chính sách đặc thù, trong đó có 7 cơ chế kế thừa từ Nghị quyết số 54/2017/QH14; 4 cơ chế đã ban hành cho các địa phương khác; 6 cơ chế được đưa vào các dự án luật đang trình Quốc hội và 27 cơ chế, chính sách chỉ riêng Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng.

Tại Nghị quyết, Quốc hội giao Chính phủ các nhiệm vụ: (1) Ban hành Nghị định quy định chi tiết với 3 nội dung: quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân liên quan đến các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố; việc bầu, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường; (2) Tổ chức sơ kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết vào năm 2026, tổng kết vào năm 2028; (3) Chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với Thành phố cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố; (4) Ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với thẩm quyền nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển Thành phố. Mở rộng việc phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố so với các quy định

hiện hành.

Nghị quyết cũng giao Thủ tướng Chính phủ 01 nhiệm vụ: Ban hành quy định phân cấp, trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật. Các bộ, ngành liên quan có 3 nhiệm vụ, Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh có 14 nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có 6 nhiệm vụ. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động, tích cực triển khai, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết của Quốc hội.